

Bài 9. PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Hiểu được vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

– Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Về kĩ năng

Biết thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.95–97.

3. Về thái độ

Tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

Bài này có 6 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 4 tiết. GV cần làm rõ những nội dung trọng tâm sau đây :

– Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững đất nước, được thể hiện trong các lĩnh vực : kinh tế ; văn hoá ; xã hội ; bảo vệ môi trường ; quốc phòng, an ninh.

– Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế :

+ Thế nào là quyền tự do kinh doanh của công dân ?

+ Nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các hoạt động kinh doanh.

– Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hoá bao gồm các quy định về : xây dựng đời sống văn hoá, nếp sống văn minh, gia đình văn hoá ; nghiêm cấm và loại trừ văn hoá đồi trụy, phản động ; giữ gìn và phát triển các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể.

– Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội là các quy định của pháp luật về giải quyết việc làm ; xoá đói giảm nghèo ; kiểm chế sự gia tăng nhanh dân số ; chăm sóc sức khoẻ nhân dân ; phòng, chống tệ nạn xã hội.

– Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường :

+ Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Các hoạt động bảo vệ môi trường.

+ Pháp luật về bảo vệ rừng : Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng ; các hành vi bị nghiêm cấm trong việc bảo vệ và phát triển rừng.

b) Một số kiến thức mới và khó

** Về khái niệm phát triển bền vững*

Phát triển bền vững là một khái niệm được hiểu theo nhiều khía cạnh và theo các cách tiếp cận khác nhau. Cho đến nay, chưa có một khái niệm khoa học

chính thức và đầy đủ nhất về phát triển bền vững. Theo cách hiểu chung nhất thì *phát triển bền vững là sự phát triển và tăng trưởng liên tục trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng và an ninh*. Như vậy, sự phát triển bền vững của đất nước cũng phải căn cứ vào các tiêu chí :

– Tăng trưởng liên tục và vững chắc về kinh tế (nhất là các ngành kinh tế then chốt) ;

– Có sự đảm bảo và phát triển tiến bộ về văn hoá, xã hội :

+ Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ;

+ Phát triển tiến bộ và công bằng xã hội, thông qua việc giải quyết vấn đề dân số và việc làm, xoá đói giảm nghèo, giảm bớt bất bình đẳng xã hội và khoảng cách giàu nghèo, vấn đề bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, vấn đề xoá bỏ tệ nạn xã hội, vấn đề đạo đức và lối sống.

– Môi trường được bảo vệ ;

– Có nền quốc phòng và an ninh vững chắc.

** Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước*

Vai trò của pháp luật được thể hiện trước hết ở vai trò trong việc phát triển kinh tế đất nước, có thể là động lực thúc đẩy hoặc là công cụ cản trở (kìm hãm) sự phát triển kinh tế. Cụ thể là :

– Những quy định bảo đảm quyền tự do kinh doanh sẽ khơi dậy tiềm năng to lớn trong xã hội.

– Những quy định ưu đãi về thuế sẽ thu hút đầu tư vào những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh, vào những địa bàn khó khăn nhằm cân đối cơ cấu kinh tế giữa các vùng, miền trong cả nước.

– Trước đây, những quy định về thủ tục cấp giấy phép kinh doanh phải qua nhiều cơ quan giải quyết, gây khó khăn cho người xin giấy phép, làm nản lòng người muốn kinh doanh, là một trong các nguyên nhân cản trở sản xuất, kinh doanh.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

GV có thể sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại kết hợp với tổ chức thảo luận nhóm, sử dụng biểu đồ. Trong từng đơn vị kiến thức có thể sử dụng cả phương pháp thuyết trình với phương pháp đàm thoại hoặc biểu đồ ; phương pháp đàm thoại với thảo luận nhóm.

b) Hình thức tổ chức dạy học

- Để bài học thu được kết quả tốt trên lớp, GV yêu cầu HS chuẩn bị bài trước ở nhà.
- Tổ chức học theo lớp, theo nhóm, học cá nhân.

3. Về phương tiện dạy học

- SGK, SGV Giáo dục công dân 12 ;
- Sách tham khảo : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;
- Giấy khổ lớn, bút dạ ;
- Đầu video, máy chiếu, máy vi tính (nếu sử dụng giáo án điện tử) ;
- Bảng hình, tranh ảnh, bảng biểu, sơ đồ.

4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập trong SGK

** Các câu trong phần II – Nội dung bài học*

Mục 1 :

– Câu 1 : Có người cho rằng, để tăng trưởng kinh tế đất nước thì chỉ cần có các chủ trương, chính sách là đủ mà không cần phải có pháp luật. Em có đồng tình với ý kiến này không ?

Để tăng trưởng kinh tế đất nước, Nhà nước sử dụng nhiều công cụ, phương tiện, biện pháp khác nhau, trong đó pháp luật được coi là phương tiện không thể thiếu để Nhà nước quản lí kinh tế, quản lí xã hội. Chủ trương, chính sách là cần thiết nhưng không đủ tạo ra một trật tự pháp lí cần thiết cho hoạt động kinh doanh. Không có pháp luật, sản xuất – kinh doanh sẽ hỗn loạn, không ổn định và tất nhiên kinh tế đất nước sẽ không thể tăng trưởng được.

– Câu 2 : Theo em, trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam, có cần phải có pháp luật không ?

Trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, pháp luật là những chuẩn mực, trong đó quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, quy định những việc được làm, những việc không được làm và những việc phải làm trong lĩnh vực văn hoá. Không có

pháp luật, nền văn hoá đất nước khó có thể được bảo vệ và phát triển theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

– Câu 3 : Nếu không có pháp luật mà chỉ có chính sách của Đảng và Nhà nước thì có thể giải quyết được các vấn đề xã hội hay không ?

Không có pháp luật sẽ dẫn đến tình trạng ai muốn làm gì thì làm, bất bình đẳng xã hội sẽ gia tăng, người nghèo không được chăm sóc, tệ nạn xã hội không được đẩy lùi,...

– Câu 4 : Những năm qua, phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta còn dựa nhiều vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên ; công nghệ sản xuất còn sử dụng nhiều năng lượng, nguyên liệu, thải ra nhiều chất độc hại gây ô nhiễm môi trường. Theo em, để ngăn ngừa, hạn chế tình trạng này, Nhà nước cần phải làm gì ?

Trước thực trạng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, việc sản xuất, kinh doanh ở nước ta là một trong các nguyên nhân làm suy thoái môi trường, Nhà nước ta cần phải áp dụng nhiều biện pháp, trong đó quan trọng nhất là các biện pháp phát triển khoa học – công nghệ :

+ Đầu tư để từng bước thay đổi trang thiết bị kĩ thuật lạc hậu thải ra nhiều chất khí và bụi gây ô nhiễm môi trường.

+ Đầu tư phát triển mạnh khoa học – công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm có thể thay thế sản phẩm khai thác từ tự nhiên.

Tuy vậy, để thực hiện các biện pháp này thì đòi hỏi phải đầu tư rất nhiều vốn cho công tác nghiên cứu và mua các trang thiết bị kĩ thuật tiên tiến, hiện đại.

Điểm c mục 2 :

Câu : Theo em, quy định của pháp luật nước ta về nghĩa vụ của công dân xây dựng quy mô gia đình ít con có phải là ngăn cấm sinh nhiều con không ? Có cản trở công dân thực hiện quyền tự do của mình không ?

Pháp luật nước ta không có bất kì một quy định nào ngăn cấm sinh nhiều con và cũng không hề cản trở công dân thực hiện quyền tự do của mình. Quy định về nghĩa vụ của công dân xây dựng quy mô gia đình ít con chính là nhằm mục đích tạo điều kiện cho cha mẹ được chăm sóc, giáo dục con chu đáo, để con được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

Điểm d mục 2 :

Câu : Em có cho rằng, bảo vệ môi trường có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của đất nước hay không ?

Bảo vệ môi trường có vai trò vô cùng quan trọng đối với phát triển bền vững đất nước, vì môi trường có được bảo vệ thì kinh tế mới có điều kiện tăng trưởng, mà tăng trưởng kinh tế là tiền đề cho phát triển bền vững đất nước.

** Các câu trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

Câu 1 :

Thông qua các quy định về quyền tự do kinh doanh của công dân và các quy định về thuế, pháp luật tác động đến sự phát triển bền vững của đất nước thể hiện ở chỗ, trước hết, pháp luật là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế :

– Những quy định đảm bảo quyền tự do kinh doanh sẽ khơi dậy tiềm năng to lớn trong xã hội.

– Những quy định thông thoáng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất kinh doanh, sẽ kích thích sản xuất kinh doanh phát triển.

– Những quy định ưu đãi về thuế thu hút đầu tư vào những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh, vào những địa bàn khó khăn nhằm cân đối cơ cấu kinh tế giữa các vùng miền trong cả nước.

Từ những quy định của pháp luật, nền kinh tế tăng trưởng và là cơ sở, tiền đề cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Câu 2 :

– Khoản 1 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tới 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa là 9 năm tiếp theo cho các cơ sở kinh doanh này vì đây là những cơ sở kinh doanh trong ngành nghề có lợi cho nền kinh tế đất nước, thuộc diện khuyến khích đầu tư.

– Các quy định ưu đãi miễn thuế và giảm thuế có tác dụng kích thích, thu hút đầu tư vào những ngành nghề mà Nhà nước khuyến khích, từ đó sản xuất phát triển, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, góp phần làm cho kinh tế tăng trưởng và phát triển.

Câu 3 :

Quyền tự do kinh doanh của công dân có nghĩa là, mọi công dân khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định đều có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng kí kinh doanh. Công dân có quyền tự mình lựa chọn và quyết định ngành nghề kinh doanh, quy mô và hình thức kinh doanh...

Câu 4 :

Để phát triển bền vững đất nước cần quan tâm xây dựng pháp luật về lĩnh vực văn hoá và xã hội là vì, một đất nước phát triển bền vững phải là một

đất nước có sự tăng trưởng kinh tế kết hợp hài hoà với phát triển lĩnh vực văn hoá, xã hội để có nền văn hoá lành mạnh, vừa tiên tiến, hiện đại vừa mang bản sắc dân tộc, bảo đảm tiến bộ và công bằng trong xã hội...

Câu 5 :

Về mối liên hệ giữa pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội với sự phát triển bền vững của đất nước : Kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh là những bộ phận cấu thành không thể tách rời nhau trong quá trình phát triển bền vững đất nước. Pháp luật có vai trò thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển, bảo đảm sự phát triển tiến bộ về văn hoá và xã hội, giữ gìn và bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện để phát triển bền vững đất nước. Đây là những yêu cầu cơ bản cho phát triển bền vững của đất nước.

Câu 6 :

Dân số không chỉ là vấn đề quốc gia mà là vấn đề toàn cầu. Dân số tăng nhanh sẽ ảnh hưởng đến vấn đề xã hội, là một trong các nguyên nhân dẫn đến nạn đói nghèo, bệnh tật, tệ nạn xã hội. Quy mô gia đình ít con sẽ là cơ sở, là điều kiện để khắc phục và hạn chế tới mức tối đa các vấn đề xã hội này, là một trong các yêu cầu, điều kiện để góp phần phát triển bền vững đất nước.

Câu 11 :

Quy định tại Điều 10 Luật Xuất bản là nhằm ngăn chặn mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực chống đối nhà nước ta, nhằm làm cho xã hội ổn định về chính trị, với mục đích cuối cùng là bảo đảm an ninh cho đất nước.

Câu 12 :

Câu trả lời đúng : b, d, e.

Câu 13 :

Câu trả lời đúng : b.

Câu 14 :

- Văn bản 1 : Các cột 1, 2, 3
- Văn bản 2 : Cột 2
- Văn bản 3 : Cột 2
- Văn bản 4 : Cột 3
- Văn bản 5 : Cột 1
- Văn bản 6 : Cột 3
- Văn bản 7 : Cột 1

- Văn bản 8 : Cột 3
- Văn bản 9 : Cột 3
- Văn bản 10 : Cột 1

b) Gợi ý về kiểm tra, đánh giá

- GV có thể kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS qua các câu hỏi và bài tập nhỏ :

- + Thế nào là khung pháp lí của hoạt động sản xuất kinh doanh ?
- + Thế nào là quyền tự do kinh doanh của công dân ?
- + Trình bày những nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta.
- + Nêu trách nhiệm công dân trong công tác dân số và phòng, chống tệ nạn xã hội.
- Đối với HS khá, giỏi có thể kiểm tra theo các câu hỏi sau :
 - + Chứng minh vai trò của pháp luật kinh tế đối với sự phát triển bền vững đất nước.
 - + Tại sao nói pháp luật về các vấn đề xã hội có ảnh hưởng đến phát triển bền vững đất nước ?
- Có thể kiểm tra HS theo các câu hỏi và bài tập 3, 6, 7, 8, 12, 13, 14 trong SGK.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

GV có thể mở bài bằng các cách sau đây :

- Có thể mở bài theo phần *Mở đầu bài học* trong SGK.
- Có thể mở đầu bài học bằng cách nêu vấn đề về sự quan tâm của Nhà nước trong những năm gần đây nhằm xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế như : thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, mở rộng các loại hình doanh nghiệp, có chính sách thuế ưu đãi..., nhờ vậy, sản xuất không ngừng phát triển, sản phẩm hàng hoá ngày càng phong phú, kinh tế tăng trưởng liên tục, là điều kiện quan trọng hàng đầu cho phát triển bền vững đất nước.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài này gồm 6 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 4 tiết. Khi dạy bài này, GV có thể sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, đàm thoại, thuyết trình.

a) *Đạy học đơn vị kiến thức 1 : Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước.*

*** *Mức độ kiến thức***

HS hiểu vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong từng lĩnh vực cụ thể.

*** *Cách thực hiện***

– GV có thể mở đầu bằng cách nêu câu hỏi dẫn dắt trong SGK : Có người cho rằng, để phát triển kinh tế đất nước thì chỉ cần có các chủ trương, chính sách là đủ mà không cần phải có pháp luật. Em có đồng tình với ý kiến này không ?

Sau khi HS trả lời, GV nhấn mạnh về sự cần thiết phải có pháp luật để phát triển kinh tế đất nước, không có pháp luật thì kinh tế sẽ phát triển một cách tự phát, hỗn độn, cạnh tranh không lành mạnh và Nhà nước không thể quản lí được, dẫn đến thất thu thuế, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế đất nước. Với cách thực hiện như vậy, GV đã bước đầu làm cho HS hiểu được vai trò của pháp luật đối với sự phát triển kinh tế đất nước.

– GV tiếp tục giảng cho HS về cách thức mà pháp luật tác động đến sự tăng trưởng kinh tế đất nước, theo các nội dung trong SGK :

+ Muốn phát triển và tăng trưởng kinh tế cần phải có hệ thống pháp luật về kinh tế có khả năng kích thích sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của xã hội :

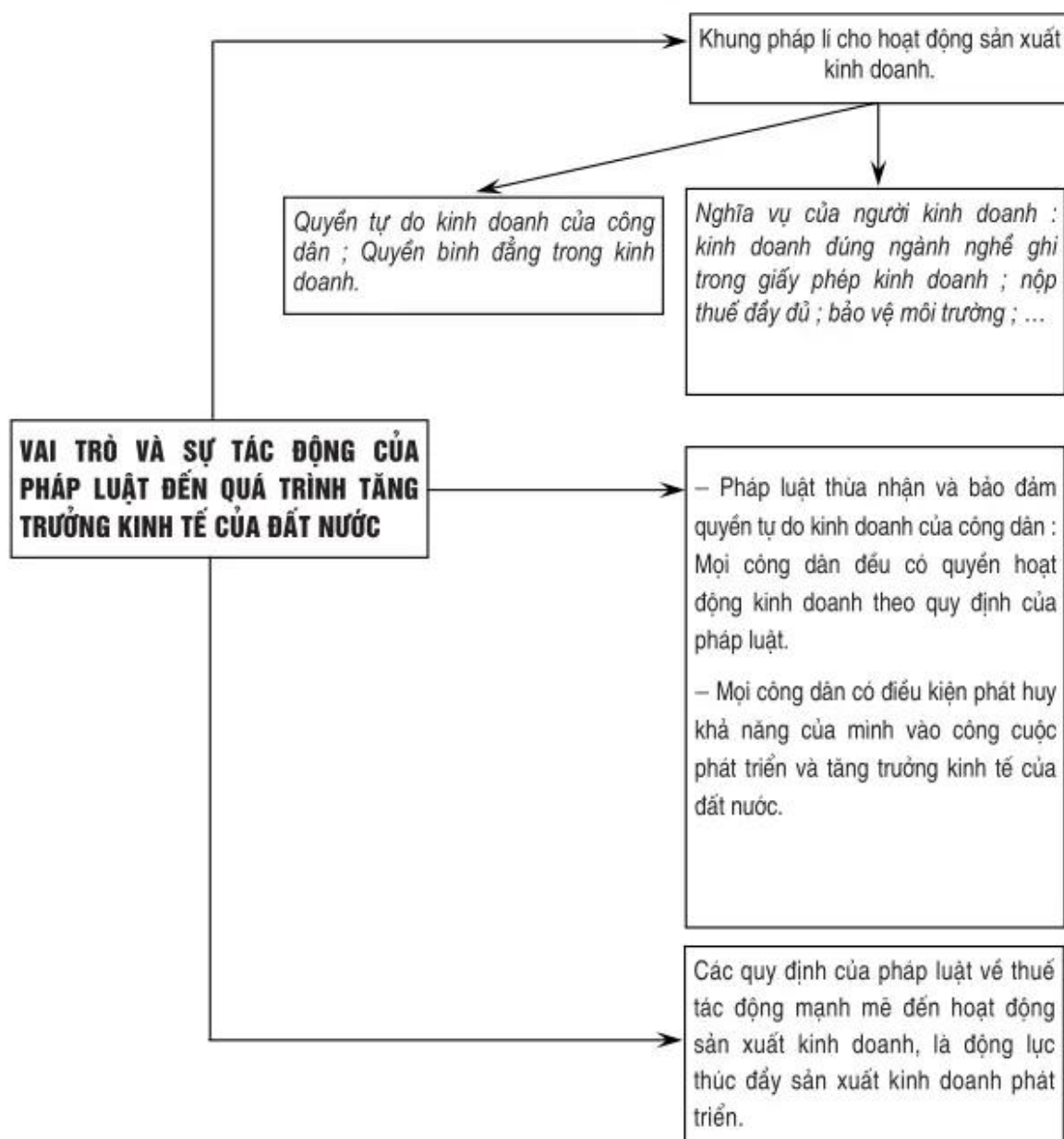
- Trước hết, phải tạo ra khung pháp lí cần thiết cho hoạt động kinh doanh.
- Pháp luật phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân, không được hạn chế công dân trong hoạt động kinh doanh.
- Pháp luật về thuế phải tạo ra động lực kích thích và thúc đẩy kinh doanh phát triển.

+ Nền kinh tế phát triển và tăng trưởng liên tục, ổn định là tiền đề cho sự phát triển bền vững của đất nước.

– GV tiếp tục tổ chức đàm thoại về một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế, trong đó chủ yếu là quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện hoạt động kinh doanh.

GV có thể sử dụng sơ đồ sau :

**Sơ đồ : Vai trò, sự tác động của pháp luật
đối với sự tăng trưởng kinh tế đất nước**



– GV nêu câu hỏi trong Mục 1 : Em có cho rằng, trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam cần phải có pháp luật không ? Sau đó giảng cho HS hiểu rõ về vai trò của pháp luật đối với sự phát triển văn hoá đất nước, thể hiện ở việc pháp luật góp phần phát huy giá trị văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng đạo đức và lối sống tốt đẹp của con người Việt Nam, nhờ đó mà góp phần tích cực vào phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

– Về vai trò của pháp luật trong lĩnh vực xã hội, trước tiên GV giảng cho HS hiểu thế nào là lĩnh vực xã hội, sau đó dẫn dắt để HS hiểu được : thông qua các quy định của pháp luật mà vấn đề dân số và việc làm, vấn đề tệ nạn xã hội,... được từng bước giải quyết.

– GV tiếp tục giảng và tổ chức đàm thoại về vai trò của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thông qua các quy định về những hành vi bị nghiêm cấm và những hành vi được khuyến khích nhằm bảo vệ có hiệu quả môi trường. GV làm cho HS hiểu được : Bảo vệ môi trường là điều kiện quan trọng để phát triển bền vững đất nước.

– GV chuyển tiếp sang sự cần thiết của pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh, coi đó là điều kiện không thể thiếu trong phát triển bền vững.

– Cuối cùng, GV kết luận về vai trò của pháp luật đối với phát triển bền vững đất nước, được thể hiện trong 5 lĩnh vực nêu trên.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế.*

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế.

** Cách thực hiện*

GV có thể sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp đàm thoại và sử dụng biểu đồ.

– Về quyền tự do kinh doanh của công dân :

+ GV có thể hỏi HS : *Các em hiểu thế nào là quyền tự do kinh doanh của công dân ?*

+ Sau khi cả lớp trao đổi, đàm thoại, GV kết luận : Quyền tự do kinh doanh của công dân là quyền của mỗi người được tự do tiến hành hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, tự do lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, tự do lựa chọn quy mô và hình thức tổ chức kinh doanh.

– Về nghĩa vụ của công dân khi kinh doanh :

+ GV có thể cho HS đọc Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trên cơ sở đó tiếp tục đàm thoại về nghĩa vụ của công dân khi kinh doanh. GV có thể nêu câu hỏi : *Trong các nghĩa vụ khi kinh doanh, nghĩa vụ nào là quan trọng nhất ?*

+ HS trả lời về nghĩa vụ nộp thuế của người kinh doanh. GV làm cho HS hiểu rõ về các mức thuế suất khác nhau đối với cơ sở kinh doanh căn cứ vào ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh. GV phân biệt cho HS hiểu sơ bộ

về các loại thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt.

+ GV có thể hỏi tiếp HS : Ngoài nghĩa vụ nộp thuế, người kinh doanh còn phải thực hiện những nghĩa vụ nào ?

GV hướng HS vào các nội dung trong SGK.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hoá.*

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hoá.

** Cách thực hiện*

– GV sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu, có thể kết hợp với phương pháp đàm thoại.

– GV giảng về một số nội dung pháp luật về phát triển văn hoá, tập trung vào 3 ý chính.

+ Ý 1 : Có thể kết hợp nêu câu hỏi và tổ chức trao đổi, sau đó giảng cho HS. Ví dụ, GV nêu câu hỏi : Thế nào là pháp luật về phát triển văn hoá ?

GV làm rõ : Pháp luật về phát triển văn hoá là các quy định về xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; xây dựng đời sống văn minh, gia đình văn hoá ; giữ gìn và phát triển các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể.

+ Về ý 2, GV làm rõ : Nhà nước ta đặc biệt quan tâm ban hành các quy định về bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. GV có thể yêu cầu HS đọc các điều 22, 23 Luật Di sản văn hoá trong phần *Tư liệu tham khảo* trong SGK, qua đó làm cho HS thấy được nội dung pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể.

+ Ý 3 : Để bảo vệ và phát triển nền văn hoá, pháp luật nghiêm cấm các hành vi truyền bá tư tưởng và văn hoá phản động, lối sống đồi trụy, phá hoại thuần phong mỹ tục Việt Nam ; nghiêm cấm các hành vi xâm phạm đến di sản văn hoá vật thể ; ngăn chặn nguy cơ làm sai lệch, bị mai một hoặc thất truyền di sản văn hoá phi vật thể.

d) *Dạy học đơn vị kiến thức 4 : Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội.*

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội.

** Cách thực hiện*

Dạy nội dung đơn vị kiến thức này bằng các phương pháp : đàm thoại, thuyết trình, thảo luận nhóm.

– GV cần giảng cho HS hiểu : Một đất nước có nền kinh tế tăng trưởng và phát triển cần quan tâm giải quyết các vấn đề dân số và việc làm, nạn đói nghèo, tệ nạn xã hội, sức khỏe nhân dân, vấn đề đạo đức và lối sống không lành mạnh...

– GV nêu câu hỏi : Tại sao Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ sở kinh doanh sử dụng nhiều lao động, lao động là người dân tộc thiểu số ; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số ?

– HS trao đổi, đàm thoại.

– GV giải thích : Nhà nước quy định trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như vậy là nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động, để giải quyết vấn đề công ăn việc làm – một trong những vấn đề xã hội gay gắt nhất hiện nay. Đồng thời, với các quy định khuyến khích cơ sở kinh doanh tạo việc làm cho người dân tộc thiểu số, pháp luật nước ta góp phần thực hiện bảo đảm công bằng xã hội ở nước ta.

– GV nêu tiếp câu hỏi cho HS đàm thoại :

+ Nội dung cơ bản của pháp luật về dân số ở nước ta nhằm mục đích gì ?

+ Nhà nước ta đã có pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội chưa ?

– Cả lớp trao đổi, đàm thoại.

– GV làm rõ cho HS hiểu những nội dung cơ bản :

+ Đồng thời với chủ trương, chính sách và pháp luật nhằm tăng trưởng kinh tế, Nhà nước ta phải quan tâm đến giải quyết các vấn đề xã hội, với quan điểm thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020 là "tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường".

+ Nội dung cơ bản của pháp luật về dân số ở nước ta là nhằm mục đích giảm tỉ lệ tăng dân số, xây dựng quy mô gia đình ít con, no ấm, tiến bộ, bền vững. Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình được xây dựng bền vững là tiền đề xây dựng đất nước bền vững.

+ Nhà nước ta đã ban hành pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội : Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm năm 2003.

e) Dạy học đơn vị kiến thức 5 : Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu :

Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.

** Cách thực hiện*

Dạy nội dung này chủ yếu sử dụng phương pháp đàm thoại và thảo luận nhóm, kết hợp với phương pháp giải quyết vấn đề.

– GV có thể đặt câu hỏi : *Bảo vệ môi trường bao gồm những hoạt động nào ?*

– Cả lớp trao đổi, đàm thoại. GV ghi các ý kiến của HS trên bảng, sau đó kết luận :

Bảo vệ môi trường bao gồm các hoạt động : bảo tồn và quản lí tài nguyên thiên nhiên ; bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ; bảo vệ môi trường đô thị và khu dân cư ; bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác ; ...

– GV nêu tiếp câu hỏi : *Tại sao trong bảo vệ môi trường thì bảo vệ rừng có tầm quan trọng đặc biệt ?*

– Sau khi HS trả lời, GV kết luận về tầm quan trọng đặc biệt của rừng, vì đó là tài nguyên quý giá của đất nước, có giá trị đặc biệt đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

– GV nêu tiếp câu hỏi : *Pháp luật về bảo vệ rừng nghiêm cấm những hành vi nào ?*

– HS trao đổi, trả lời. GV ghi các ý kiến lên bảng.

– GV kết luận theo nội dung trong SGK về những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm.

g) Dạy học đơn vị kiến thức 6 : Nội dung cơ bản của pháp luật về quốc phòng, an ninh.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được : Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo đảm quốc phòng, an ninh.

** Cách thực hiện*

– Với đơn vị kiến thức này, GV nên sử dụng chủ yếu phương pháp đàm thoại và thảo luận nhóm.

– GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và tổ chức thảo luận theo các câu hỏi :

+ *Thế nào là bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia ?*

+ *Pháp luật nước ta quy định như thế nào về bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia ? Nhà nước và công dân có nhiệm vụ gì trong công cuộc bảo vệ quốc phòng và an ninh ?*

– Các nhóm trình bày kết quả thảo luận và bổ sung ý kiến cho nhau.

– GV nhận xét và kết luận theo các nội dung trong SGK.

3. Phần củng cố

– GV có thể củng cố theo từng đơn vị kiến thức, sau đó củng cố chung cả bài. Có thể sử dụng các bài tập 12, 13, 14 trong phần *Câu hỏi và bài tập*.

– Tóm tắt những kiến thức cơ bản.

– Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi, làm bài tập, chuẩn bị bài cho tiết sau.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 1992

Điều 16

Mục đích của chính sách kinh tế của Nhà nước là làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở phát huy mọi năng lực sản xuất, mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức, thúc đẩy xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học, kĩ thuật và giao lưu với thị trường thế giới.

Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế được sản xuất, kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm ; cùng phát triển lâu dài, hợp tác, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật...

Điều 30

Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; kế thừa và phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại ; phát huy mọi tài năng sáng tạo trong nhân dân.

Nhà nước thống nhất quản lí sự nghiệp văn hoá. Nghiêm cấm truyền bá tư tưởng và văn hoá phản động, đồi trụy ; bài trừ mê tín, hủ tục.

2. Luật Di sản văn hoá năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Điều 9 (trích)

... Nhà nước có chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của đất nước ; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá...

3. Luật Phòng, chống ma tuý năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008)

Điều 4

1. Phòng, chống ma tuý là trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích, bảo vệ cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống tệ nạn ma tuý ; tổ chức đấu tranh chống

các tội phạm về ma túy và sử dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế, pháp luật, văn hoá, xã hội, nghiệp vụ để tuyên truyền, vận động nhân dân, cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia phòng, chống tệ nạn ma túy ; kết hợp phòng, chống tệ nạn ma túy với phòng, chống các loại tội phạm, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác.

4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2005

Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước ; bảo vệ môi trường quốc gia phải gắn với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

2. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

4. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hoá, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

5. Luật An ninh quốc gia năm 2004

Điều 4. Chính sách an ninh quốc gia

1. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hoà bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

2. Nhà nước có chính sách xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ; phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị để bảo đảm an ninh quốc gia.

Điều 14. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia

1. Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Bảo vệ an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

4. Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

5. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia.